TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 5 - 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quốc Văn Tài

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Ông Ma Công Liêu, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 409/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị C, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.*

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, phiên tòa triệu tập lần thứ 02.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Lâm Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quang T được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 được hai bên gia đình tổ C cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 12/4/2002 bà và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm đến gia đình, vợ con từ đó thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, cuộc sống chung hết sức căng thẳng. Đến năm 2012 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, bà và ông T sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 04/7/1999. Hiện nay cháu T1 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập ông Nguyễn Quang T đến để giải quyết việc bà Lâm Thị C đề nghị ly hôn nhưng ông T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay ông T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Nguyễn Quang N (bố đẻ ông Nguyễn Quang T) thì bà C, ông T có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng bà C, ông T chung sống tại thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, sau cả hai vợ chồng bà C, ông T đều đi làm ăn xa, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì ông không nắm được cụ thể nhưng theo ông là do vợ chồng đều đi làm ăn, mỗi người ở một nơi không trực tiếp chung sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, bà C và ông T đã sống ly thân khoảng 06 đến 07 năm không còn quan tâm đến nhau nữa. Còn địa chỉ cụ thể của ông T thì gia đình không biết do ông T không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc nên gia đình không biết địa chỉ mới của ông T ở đâu. Sau khi nhận các văn bản, thông báo của Tòa án ông đã báo cho ông T biết việc bà C xin ly hôn và thời gian báo đến Tòa án để làm việc nhưng ông T bận công việc nên không về được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ

án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của bà Lâm Thị C, cho bà Lâm Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Bà C, ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 04/7/1999. Hiện nay cháu T1 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà C và ông T tự thỏa thuận nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Lâm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết qủa tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Bà Lâm Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Quang T; ông Nguyễn Quang T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, ông Nguyễn Quang T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Ông T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ ông T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình ông T đã thông báo cho ông T nhưng ông T vẫn không đến Tòa án giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ, nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của

pháp luật, tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Quang T vẫn vắng mặt lần thứ hai, bà Lâm Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị C và ông Nguyễn Quang T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo quan điểm của bà C thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không quan tâm đến gia đình, vợ con. Bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Còn theo thân nhân bị đơn là ông Nguyễn Quang N (bố đẻ ông T) thì vợ chồng bà C, ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai vợ chồng bà C và ông T đều đi làm ăn xa dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Khi vợ chồng bà C, ông T xảy ra mâu thuẫn gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Vợ chồng bà C, ông T đã sống ly thân thời gian khoảng từ 06 đế 07 năm nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, thực tế cuộc sống vợ chồng của bà C, ông T đã không tồn tại khoảng năm 2012 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của bà C, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị C là xử cho bà C được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

[2.2] Về con chung: Bà Lâm Thị C và ông Nguyễn Quang T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 04/7/1999. Hiện nay cháu T1 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị C xác định có tài sản chung nhưng bà và ông T tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Lâm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lâm Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

- Về án phí: Bà Lâm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002981, ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Ông Nguyễn Quang T không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã H, huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Phúc An Hoành